

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 7 - 2019

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung
và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khương;

Bà Nguyễn Thị Phin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Long Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2019, về tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh NDN, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà 12, A, phường B, quận C, Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị QTKN, sinh năm 1972; nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 12, A, phường B, quận C, Hải Phòng (đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2019/QĐST-DS, ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn (anh NDN) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1994, tôi (NDN) và cô QTKN xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, quận G, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì cô QTKN đã bỏ nhà đi đâu không rõ địa chỉ và cũng không có tin tức gì về cho gia đình.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2019/QĐST-DS, ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đã tuyên bố cô QTKN mất tích. Nay tôi (NDN) yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với cô QTKN.

Về con chung: Tôi (NDN) và cô QTKN có hai con chung là E, sinh ngày 01/9/1994 và F, sinh ngày 02/7/2005. Ly hôn, tôi (NDN) yêu cầu được nuôi con là F và không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Còn đối với cháu E hiện đã trên 18 tuổi nên tôi không có yêu cầu gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Tôi (NDN) không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sự tuân thủ chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ vợ chồng: Anh NDN được ly hôn với chị QTKN.

- Về con chung: Giao cho anh NDN được nuôi con là F, sinh ngày 02/7/2005. Việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng do anh NDN không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh NDN phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, do việc chị QTKN đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên đúng quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh NDN và chị QTKN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận G, thành phố Hải Phòng (Chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01-94, ngày 04/8/1994).

[2.1] Theo nguyên đơn (anh NDN) trình bày: Quá trình anh và chị QTKN chung sống đến năm 2013 thì chị QTKN đã bỏ nhà đi đâu không rõ địa chỉ và cũng không có tin tức gì về cho anh và gia đình. Anh NDN đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự tuyên bố chị QTKN mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết

việc dân sự số: 01/2019/QĐST-DS, ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đã tuyên bố chi QTKN mất tích. Xét thấy vợ chồng ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh NDN yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chi QTKN.

[2.2] Đối với bị đơn (chi QTKN): Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2019/QĐST-DS, ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đã tuyên bố chi QTKN mất tích. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 88/TB-TLVA, ngày 14/3/2019; các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng quy định của pháp luật nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì của chi QTKN.

[2.3] Do vậy, việc anh NDN có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chi QTKN là thực tế và có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NDN; xử anh NDN được ly hôn với chi QTKN.

[3] Về con chung: Anh NDN và chi QTKN có hai con chung là: E, sinh ngày 01/9/1994 và F, sinh ngày 02/7/2005. Ly hôn, anh NDN yêu cầu được nuôi con là F và không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Còn đối với cháu E hiện đã trên 18 tuổi nên anh NDN không có yêu cầu gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Chi QTKN đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Từ khi chi QTKN bỏ đi mất tích đến nay việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chưa thành niên là F, sinh ngày 02/7/2005 đều do anh NDN đảm nhiệm. Cháu F có đơn đề nghị gửi Tòa án nêu nguyện vọng muốn được sinh sống cùng bố. Yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung là F cho anh NDN trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh NDN không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh NDN không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh NDN phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh NDN được ly hôn với chị QTKN.

- Về con chung: Giao con là F, sinh ngày 02/7/2005 cho anh NDN trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh NDN phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp khi khởi kiện tại biên lai ký hiệu AA/2014, số 0008137, ngày 14/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; anh NDN đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND ph. D, qu. G;
- Các đương sự;
- Lưu: HS; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Kiên